**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN CÔNG NGHỆ, LỚP 7**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | |
| **Số CH** | | **Số CH** | | **Số CH** | | **Số CH** | | **Số CH** | | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | | **TL** |
| 1 | I. Mở đầu về trồng trọt | 1. 1. Nghề trồng trọt ở Việt Nam | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  | 4 | |  | 10 |
| 1.2. Các phương thức trồng trọt ở Việt Nam | 6 | 0,5 |  |  |  |  |  |  | 6 | | 0,5 | 25 |
| 2 | II. Trồng và chăm sóc cây trồng | 2.1. Qui trình trồng trọt | 4 |  | 1 | 1 |  | 1 |  |  | 5 | | 2 | 52,5 |
| 2.2. Nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành |  |  | 1 |  |  |  |  | 0,5 | 1 | | 0,5 | 12,5 |
| **Tổng sô câu TN, TL** | | | **12** | **0,5** | **4** | **1** |  | **1** |  | **0,5** | **16** | | **3** |  |
| **Tỉ lệ điểm (%)** | | | **30** | **10** | **10** | **20** |  | **20** |  | **10** | **40** | | **60** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **40** | **60** | | **100** |

***\* Lưu ý:***

- Tỉ lệ điểm: Trắc nghiệm 40%, Tự luận 60%; Nhận biết 40%, Thông hiểu 30%, Vận dụng 20%, Vận dụng cao 10% ; Tỉ lệ điểm ở các đơn vị kiến thức tương đương với thời gian dạy học (số tiết)/đơn vị kiến thức đó.

- Số câu hỏi: 19 câu

+ Trắc nghiệm: 16 câu, mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm, trong đó 12 câu ở phần nhận biết, 04 câu ở phần thông hiểu;

+ Tự luận: 03 câu: trong đó 01 câu ở mức thông hiểu, 01 câu ở mức vận dụng, 01 câu ở mức nhận biết & vận dụng cao (1 ý nhận biết, 1 ý vận dụng cao)

Xem thêm tại Website VnTeach.Com https://www.vnteach.com

**II. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị**  **kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **I. Mở đầu về trồng trọt** | 1. 1. Nghề trồng trọt ở Việt Nam | \* **Nhận biết**  - Trình bày được vai trò, triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam  - Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong trồng trọt.  \* **Thông hiểu**  - Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong trồng trọt | 2 | 2 |  |  |
| 1.2. Các phương thức trồng trọt ở Việt Nam | \* **Nhận biết**  - Kể tên được các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam.  - Nêu được một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam  - Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao. | 6,5 |  |  |  |
| 2 | **Trồng và chăm sóc cây trồng** | 2.1. Qui trình trồng trọt | \* **Nhận biết**  - Nêu được các bước trong quy trình trồng trọt.  **\* Thông hiểu**  - Trình bày được mục đích, yêu cầu kĩ thuật của các bước trong quy trình trồng trọt.  **\* Vận dụng**  - Vận dụng kiến thức làm đất và bón phân vào thực tiễn sản xuất | 4 | 2 | 1 |  |
| 2.2. Nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành | **\* Thông hiểu**  – Thực hiện được việc nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành  **\* Vận dụng cao**  Vận dụng kiến thức về giâm cành vào thực tiễn sản xuất ở địa phương. |  | 1 |  | 0,5 |
| **Tổng** | | |  | **12,5** | **5** | **1** | **0,5** |

**Lưu ý***: Số câu hỏi theo mức độ nhận thức ở bản đặc tả chung cho cả đơn vị kiến thức, khi áp dụng giáo viên phải cụ thể số câu hỏi theo chỉ báo của mức độ đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng ở mức độ đó).*

## ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

## MÔN CÔNG NGHỆ 7

**Thời gian làm bài: 45 phút**

1. **MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | | | | | | | | **Tổng số**  **CH** | | **%**  **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Số CH** | | **Số CH** | | **Số CH** | | **Số CH** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| **1** | **I. Mở đầu về trồng trọt** | 1.1. Nghề trồng trọt ở Việt Nam | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 2,5 |
| 1.2. Các phương thức trồng trọt ở Việt Nam | 2 | 0,5 | 1 |  |  |  |  |  | 3 | 0,5 | 17,5 |
| **2** | **II. Trồng và chăm sóc cây trồng** | 2.1. Quy trình trồng trọt | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 2 |  | 5,0 |
| 2.2. Nhân giống cây trồng bằng PP giâm cành | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 5,0 |
| 2.3. Trồng và chăm sóc cây cải xanh | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 | 1 | 22,5 |
| 2.4.Kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình |  |  |  |  |  |  |  | 0,5 |  | 0,5 | 10,0 |
| **3** | **III. Trồng, chăm sóc và**  **bảo vệ rừng** | 3.1. Rừng ở Việt Nam | 2 |  | 1 |  |  |  |  |  | 3 |  | 7,5 |
| 3.2. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng | 3 |  | 1 | 1 |  |  |  |  | 4 | 1 | 30 |
| **Tổng sô câu TN, TL** | | | **12** | **0,5** | **4** | **1** | **0** | **1** | **0** | **0,5** | **16** | **3** |  |
| **Tỉ lệ điểm (%)** | | | **30** | **10** | **10** | **20** | **0** | **20** | **0** | **10** | **40** | **60** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **40** | **60** | **100** |

***\* Lưu ý:***

- Tỉ lệ điểm: Trắc nghiệm 40%, Tự luận 60%; Nhận biết 40%, Thông hiểu 30%, Vận dụng 20%, Vận dụng cao 10% ; Nữa đầu kỳ I: 30%, nữa cuối kỳ I: 70%;

- Số câu hỏi: 19 câu

+ Trắc nghiệm: 16 câu, mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm, trong đó 12 câu ở phần nhận biết, 04 câu ở phần thông hiểu;

+ Tự luận: 03 câu, trong đó: 1 câu ở mức nhận biết và vận dụng cao (1 ý nhận biết và 1 ý vận dụng cao), 1 câu ở mức thông hiểu, 1 câu ở mức vận dụng.

**II. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **I. Mở đầu**  **về trồng trọt** | 1.Vai trò, triểnvọng  củatrồng trọt | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của trồng trọt đối với đời sống con người và nền kinhtế. * Nêu được triển vọng của trồng trọt ở ViệtNam. | 1 |  |  |  |
| 2. Các phương thức trồng trọt ở Việt Nam | **Nhận biết:**   * Kể tên được các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam (cây lương thực,cây ăn quả,cây rau…).Cho ví dụ minh họa. * Nêu được các phương thức trồng trọt phổ biến ở nước ta.   - Nêu được các đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao.  **Thông hiểu**   * Nêu được bộ phận sử dụng và mục đích sử dụng của một số loại cây trồng phổ biến. * Nêu được ưu, nhược điểm của các phương thức trồng trọt phổ biến ở nước ta   **Vận dụng**   * Đề xuất được phương thức trồng trọt phù hợp cho một số đối tượng cây trồng phổ biến ở địa phương. | 2,5 | 1 |  |  |
| **2** | **II. Trồng và chăm sóc cây trồng** | 1. Quy trình trồng trọt | **Nhận biết:**  **-** Nêu được các bước trong quy trình trồng trọt.  **-** Trình bày được mục đích, các bước của việc thu hoạch sảnphẩm trồng trọt  **Thông hiểu:**   * Trình bày được mục đích, yêu cầu kĩ thuật của các bước trong quy trình trồng trọt. * Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của một số biện pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt.   **Vận dụng:**   * Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của các bước trong quy trình trồng trọt cho một đối tượng cây trồng cụ thể. * Vận dụng kiến thức trồng trọt với thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. * Lựa chọn được biện pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương. | 1 | 1 |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | 2. Nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm giâm cành.  **-** Nêu được quy trình nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành.  **Vận dụng:**   * Vận dụng kiến thức về nhân giống cây trồng bằng PP giâm cành phù hợp với thực tiễn sản xuất ở gia đình, địaphương. | 2 |  |  |  |
| 3.Trồng và chăm sóc cây cải xanh | **Nhận biết:**  **-** Nêu được một số công việc trong quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh   * Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của việc chăm sóc cây cải xanh.   **Vận dụng:**   * Lập được kế hoạch cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến trong gia đình | 1 |  | 1 |  |
| 4. Kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình | **Vận dung cao.**   * Tính toán được chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến trong gia đình |  |  |  | 0,5 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 3 | **III. Trồng,**  **chăm sóc và bảo vệ rừng** | 1. Rừng ở Việt Nam | **Nhận biết:**  **-** Trình bày được khái niệm về rừng, các vai trò chính của rừng.  **-** Nêu được các loại rừng phổ biến ở nước ta.  **Thông hiểu**  - Trình bày được vai trò của từng loại rừng.  -Phân biệt được các loại rừng phổ biến ở nước ta(rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất). | 2 | 1 |  |  |
| 2. Trồng, chăm sóc và bảo vệ  rừng | **Nhận biết:**  - Nhận biết được ý nghĩa của các bước trong quy trình trồng rừng.  - Nhận biết được ý nghĩa của các công việc chăm sócrừng.  - Nêu được các công việc chăm sócrừng.   * Trình bày được các biện pháp bảo việc bảo vệ rừng. * Nêu được một số việc nên làm và không nên làm để bảo vệ rừng.   **Thông hiểu**  **-** Tóm tắt được quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu.   * Tóm tắt được quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần.   - Nhận thức được ý nghĩa của việc bảo vệ rừng.  **Vận dụng:**   * Vận dụng kiến thức trồng, chăm sóc rừng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. * Vận dụng kiến thức bảo vệ rừng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. | 3 | 2 |  |  |
| **Tổng** | | |  | **12,5** | **5** | **1** | **0,5** |

**Lưu ý***: Số câu hỏi theo mức độ nhận thức ở bản đặc tả chung cho cả đơn vị kiến thức, khi áp dụng giáo viên phải cụ thể số câu hỏi theo chỉ báo của mức độ đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng ở mức độ đó).*

**KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN CÔNG NGHỆ 7**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **Số CH** | | **%**  **Tổng Điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Số CH** | | **Số CH** | | **Số CH** | | **Số CH** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| 1 | I.Mở đầu về chăn nuôi | 1.1. Nghề chăn nuôi ở Việt Nam | 2 | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 | 15,0 |
| 1.2. Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam | 3 |  | 0 |  |  |  |  | 0,5 | 3 | 0,5 | 17,5 |
| 2 | II. Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi | 2.1.Kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi | 7 |  | 2 |  |  | 0,5 |  |  | 9 | 0,5 | 42,5 |
| 2.2. Kĩ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn |  |  | 2 | 1 |  |  |  |  | 2 | 1 | 25,0 |
| **Tổng sô ý TL/Số câu** | | | **12** | ***1*** | **4** | ***1*** | **0** | ***0,5*** | **0** | ***0,5*** | **16** | **3** |  |
| **Tỉ lệ điểm (%)** | | | **30** | **10** | **10** | **20** | **0** | **20** | **0** | **10** | **40** | **60** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **40** | **60** | **100** |

***\* Lưu ý:***

- Tỉ lệ điểm: Trắc nghiệm 40%, tự luận 60%; Nhận biết 40%, thông hiểu 30%, vận dụng 20%, vận dụng cao 10%; Tỉ lệ điểm ở các đơn vị kiến thức tương đương với thời gian dạy học (số tiết)/đơn vị kiến thức đó.

- Số câu hỏi: 19 câu

+ Trắc nghiệm: 16 câu, mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm, trong đó 12 câu ở phần nhận biết, 04 câu ở phần thông hiểu; Các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

+ Tự luận: 03 câu, trong đó: 01 câu ở mức nhận biết, 01 câu ở mức thông hiểu, 01 câu ở mức vận dụng và vận dụng cao (01 ý vận dụng và 01 ý vận dụng cao).

**II. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **I. Mở đầu về chăn nuôi** | 1. 1. Nghề chăn nuôi ở Việt Nam | **Nhận biết:** | **3** |  |  |  |
| * - Trình bày được vai trò của chăn nuôi; |  |  |  |  |
| * - Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở Việt nam |  |  |  |  |
| * - Trình bày được đặc điểm cơ bản của một ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi; |  |  |  |  |
| * **Thông hiểu:** |  |  |  |  |
| * - Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| 1.2. Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam | **Nhận biết:** | **3** |  |  |  |
| - Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều ở nước ta (gia súc ăn cỏ, lợn, gia cầm…). |  |  |  |  |
| - Nhận biết được một số vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta (gia súc ăn cỏ, lợn, gia cầm…). |  |  |  |  |
| - Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. |  |  |  |  |
| * **Vận dụng cao:** |  |  |  | **0,5** |
| * - Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở địa phương. |  |  |  |  |
| **2** | **II. Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | 1. Kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi | **Nhận biết:** | **7** |  |  |  |
| - Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi; |  |  |  |  |
| - Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, |  |  |  |  |
| - Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống, |  |  |  |  |
| - Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản; |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:** |  | **2** |  |  |
| * - So sánh được kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  | **0,5** |  |
| - Vận dụng được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi vào thực tiễn của gia đình, địa phương |  |  |  |  |
| - Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn vào bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| 2. Kĩ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn | **Thông hiểu:** |  | **3** |  |  |
| - Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc gà thịt thả vườn. |  |  |  |  |
| - Trình bày được kĩ thuật phòng trị bệnh cho gà thịt thả vườn. |  |  |  |  |
|  | **Tổng:** | | | **13** | **5** | **0,5** | **0,5** |

**Lưu ý***: Số câu hỏi theo mức độ nhận thức ở bản đặc tả chung cho cả đơn vị kiến thức, khi áp dụng giáo viên phải cụ thể số câu hỏi theo chỉ báo của mức độ đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng ở mức độ đó).*

**KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN CÔNG NGHỆ 7**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **Số CH** | | **%**  **Tổng Điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Số CH** | | **Số CH** | | **Số CH** | | **Số CH** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| 1 | **I. Mở đầu về chăn nuôi** | 1.1 Nghề chăn nuôi ở Việt Nam | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 2 |  | 5,0 |
| 1.2. Một số phương  thức chăn nuôi ở Việt Nam | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  | 7,5 |
| 2 | **II. Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật**  **nuôi** | 2.1. Kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi | 1 |  | 3 |  |  |  |  |  | 4 |  | 10 |
| 2.2. Kĩ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 5,0 |
| **3** | **III. Nuôi Thủy sản** | 3.1. Ngành thủy sản ở Việt Nam | 2 | 1 |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 | 15,0 |
| 3.2. Quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản | 2 |  |  | 0,5 |  | 1 |  |  | 2 | 1,5 | 45,0 |
| 3.3. Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản | 1 |  |  |  |  |  |  | 0,5 | 1 | 0,5 | 12,5 |
| **Tổng sô câu TN, TL** | | | **12** | **1** | **4** | ***0,5*** | **0** | ***1*** | **0** | ***0,5*** | **16** | **3** |  |
| **Tỉ lệ điểm (%)** | | | **30** | **10** | **10** | **20** | **0** | **20** | **0** | **10** | **40** | **60** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **40** | **60** | **100** |

***\* Lưu ý:***

- Tỉ lệ điểm: Trắc nghiệm 40%, Tự luận 60%; Nhận biết 40%, Thông hiểu 30%, Vận dụng 20%, Vận dụng cao 10% ; Nữa đầu kỳ II: 27,5%, nữa cuối kỳ II: 72,5%; Tỉ lệ điểm ở các đơn vị kiến thức tương đương với thời gian dạy học (số tiết)/đơn vị kiến thức đó.

- Số câu hỏi: 19 câu

+ Trắc nghiệm: 16 câu, mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm, trong đó 12 câu ở phần nhận biết, 04 câu ở phần thông hiểu;

+ Tự luận: 03 câu, trong đó: 1 câu ở mức nhận biết, 1 câu ở mức vận dụng, 1 câu ở mức thông hiểu và vận dụng cao ( 0,5 câu mỗi mức) .

**II. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ đánh giá** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **I. Mở đầu về chăn nuôi** | 1.1. Nghề chăn nuôi ở Việt Nam | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế.  - Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở Việt nam.  - Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi  **Thông hiểu:**  - Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi | 1 | 1 |  |  |
| 1.2. Một số phương  thức chăn nuôi ở Việt Nam | **Nhận biết:**   * Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều ở nước ta (giasúc, giacầm…). * Nhận biết được một số vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta(gia súc, gia cầm…). * Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta | **3** |  |  |  |
| **2** | **II. Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật**  **nuôi** | 2.1. Kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi. * Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vậtnuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.   **Thông hiểu:**   * Nhận thức được các biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.   **Vận dụng:**   * Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | **1** | **3** |  |  |
| 2.2. Kĩ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn | **Nhận biết**   * Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho một loại vật nuôi phổ biến. | **2** |  |  |  |
| 3 | **III. Nuôi Thủy sản** | 3.1. Ngành thủy sản ở Việt Nam | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của ngành thuỷsản. * Nhận biết được một số thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở nướcta. | **3** |  |  |  |
| 3.2. Quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản | **Nhận biết:**   * Nêu được quy trình nuôi, chăm sóc, phòng, trị bệnh, thu hoạch một loại thủy sản phổ biến.   **Thông hiểu:**   * Phân biệt được một số loại thức ăn nuôi thủy sản * Nhận thức được các biện pháp chăm sóc, phòng trị bệnh một loại thủy sản   - Hiểu được quy trình nuôi một loại thủy sản  **Vận dụng:**   * Đo được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản bằng phương pháp đơn giản | **2** | **0,5** | **1** |  |
| 3.3. Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản | **Nhận biết**  - Nêu được vai trò của việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản  - Nêu được biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản  **Vận dụng cao:**  -Có ý thức bảo vệ môi trường nuôi thủy sản  -Nguồn lợi thủy sản ở nước ta | **1** |  |  | **0,5** |
| Tổng | | |  | **13** | **4,5** | **1** | **0,5** |

**Lưu ý***: Số câu hỏi theo mức độ nhận thức ở bản đặc tả chung cho cả đơn vị kiến thức, khi áp dụng giáo viên phải cụ thể số câu hỏi theo chỉ báo của mức độ đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng ở mức độ đó).*